



**BẢNG ĐIỂM**  
**LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 14**  
Hình thức đào tạo tập trung; Thời gian học từ ngày 10/10/2022 đến ngày 30/6/2023

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH H và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
1	Dương Thị Ánh	7,00	7,25	7,25	7,00	7,50	7,75	7,00	7,50	8,00	7,75	7,75	7,75	7,75	8,75	8,08	7,66	Khá	
2	Triệu Thị Bay	7,75	6,75	7,50	8,00	8,00	8,00	7,75	7,50	7,50	7,75	7,25	8,00	7,75	8,50	8,08	7,78	Khá	
3	Hoàng Văn Bê	7,50	7,50	7,25	7,50	7,50	7,50	7,25	7,50	7,75	7,75	7,75	7,75	7,50	8,50	7,92	7,66	Khá	
4	Ngô Xuân Công	8,25	8,25	7,50	8,00	6,75	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,25	9,00	8,25	8,06	Giỏi	
5	Lăng Văn Cường	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	7,75	7,25	7,75	8,00	8,75	8,33	8,00	Giỏi	
6	Hoàng Minh Chấn	7,00	6,75	6,00	6,00	7,25	7,75	7,00	7,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,75	7,42	7,41	Khá	
7	Lầu A Châu	7,50	6,50	6,50	6,00	6,75	7,75	7,00	7,50	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,75	7,08	7,35	Khá	
8	Hoàng Thị Chuyên	7,50	7,00	8,25	8,00	6,50	7,75	7,25	7,00	8,00	8,25	7,50	7,75	8,00	8,75	7,50	7,65	Khá	
9	Đàm Nông Du	8,00	6,25	7,75	7,50	7,75	8,00	7,50	7,25	8,00	8,00	7,75	8,00	7,75	8,50	7,75	7,72	Khá	

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH H và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
10	Dương Văn Dũng	7,50	7,25	7,50	8,00	8,00	7,75	7,00	8,00	8,00	7,00	7,50	8,00	7,75	8,50	7,58	7,68	Khá	
11	Quốc Minh Dũng	8,25	8,25	8,00	8,00	8,00	8,25	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,25	9,00	8,50	8,22	Giỏi	
12	Lô Thị Linh Đan	7,50	6,50	7,50	7,50	7,50	8,00	7,25	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,75	7,83	7,75	Khá	
13	Nguyễn Thị Hiền	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	8,75	7,92	8,00	Giỏi	
14	Hoàng Thị Hoa	8,00	8,25	8,25	8,00	8,25	8,00	7,50	8,25	8,00	8,50	8,00	8,00	8,00	8,75	8,25	8,15	Giỏi	
15	Hoàng Sâm Học	7,50	8,00	7,75	8,25	7,50	8,00	7,00	7,50	8,00	7,50	8,00	7,75	8,00	8,75	7,58	7,78	Khá	
16	Hoàng Văn Khoa	7,75	8,00	7,50	8,00	7,00	8,00	7,25	7,25	7,75	7,50	7,50	7,25	7,75	8,50	7,50	7,62	Khá	
17	Hoàng Thị Khoái	7,75	7,00	7,75	7,75	7,50	7,75	7,00	7,25	7,75	7,50	7,50	7,75	7,50	8,50	7,58	7,59	Khá	
18	Bàn Thị Lan	7,00	6,75	7,50	8,00	6,75	8,00	7,00	8,00	7,75	7,50	7,50	7,50	8,00	8,50	7,58	7,56	Khá	
19	Nông Thị Thùy Liêm	8,00	6,75	7,50	7,50	7,00	7,25	7,75	7,75	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,75	7,67	7,69	Khá	
20	Hứa Thị Liễu	8,00	8,25	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	9,00	8,00	8,01	Giỏi	
21	Hoàng Văn Long	7,50	6,75	7,25	7,00	7,00	7,00	7,00	7,25	8,00	7,50	7,50	7,50	7,50	8,50	7,67	7,43	Khá	
22	Đình Thành Luân	8,00	7,25	7,50	7,25	7,25	7,50	7,00	7,25	7,75	7,50	7,75	8,00	7,50	8,50	7,75	7,60	Khá	
23	Triệu Hồng Luyến	8,00	8,25	8,25	8,25	7,75	8,00	8,25	8,25	8,00	7,50	8,00	8,00	7,75	8,75	8,00	8,06	Giỏi	



TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH H và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	
24	Lý Thị Mừng	7,75	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	7,75	7,75	9,00	8,00	8,01	Giỏi	
25	Ma Kiên Nghiệp	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,50	8,12	Giỏi	
26	Nông Văn Ngọc	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,50	8,16	Giỏi	
27	Trần Bích Ngọc	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,50	8,18	Giỏi	
28	Nông Văn Quân	7,50	8,00	7,25	7,50	7,75	8,00	7,50	7,50	7,75	7,50	7,75	7,50	7,75	8,50	7,83	7,72	Khá	
29	Phón Văn Sáng	7,50	7,50	7,25	7,50	7,50	7,75	7,00	7,50	7,75	7,50	7,75	7,50	7,75	8,50	7,58	7,59	Khá	
30	Nông Thanh Toàn	7,00	6,75	7,25	7,75	6,50	7,50	7,75	7,50	8,00	7,00	8,00	7,75	7,25	8,50	7,67	7,50	Khá	
31	Lương Thanh Tuyền	7,50	7,00	7,50	8,00	7,50	7,75	7,25	7,25	7,50	7,50	7,50	7,25	7,75	8,50	7,50	7,54	Khá	
32	Lương Phùng Tuyền	7,00	6,00	6,50	7,25	7,75	7,00	7,25	7,25	8,00	7,50	7,00	7,75	7,75	8,50	7,17	7,29	Khá	
33	Hứa Ngọc Thái	7,00	8,25	7,50	7,50	7,25	8,00	7,25	7,25	7,75	7,00	7,75	7,50	8,00	8,50	7,50	7,59	Khá	
34	Nông Thị Thảo	7,50	7,00	7,25	6,50	6,75	7,25	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50	8,00	8,75	7,42	7,43	Khá	
35	Bàn Hữu Thắng	7,00	7,00	6,75	8,00	7,00	7,50	7,25	7,25	7,00	6,75	7,50	6,75	7,00	8,50	7,08	7,21	Khá	
36	Phan Thị Thu	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,00	8,06	Giỏi	
37	Dương Thị Thủy	7,50	8,00	7,50	7,75	8,00	8,00	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,50	7,83	7,85	Khá	

10

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH H và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
38	Nông Văn Thuyết	7,50	7,50	7,25	8,00	6,50	7,50	6,75	7,25	7,50	7,25	7,75	7,00	7,50	8,50	7,17	7,37	Khá	
39	Tổng Thị Uyên	7,00	6,75	7,50	7,50	7,50	7,75	7,50	7,50	8,00	7,50	7,00	7,50	8,00	8,50	7,67	7,56	Khá	
40	Hoàng Văn Văn	7,00	8,00	7,75	7,75	7,75	8,00	7,25	8,00	8,00	8,00	8,00	7,25	7,75	8,50	7,67	7,76	Khá	
41	Nông Quang Vinh	8,00	7,50	7,50	7,50	7,50	7,75	7,75	7,50	8,00	8,00	7,00	7,50	8,00	9,00	7,33	7,68	Khá	
42	Nông Văn Vương	7,00	6,50	7,00	7,75	6,75	7,00	7,00	7,50	7,75	7,50	7,00	7,00	7,50	8,75	7,58	7,34	Khá	

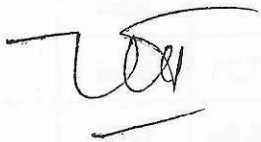
Danh sách ấn định: 42 học viên, được xếp loại 42 học viên.

**Tổng hợp xếp loại:**

**Giỏi:** Điểm trung bình toàn khóa học từ 8,00 đến dưới 9,00: 12 học viên, bằng 28,57%.

**Khá:** Điểm trung bình toàn khóa học từ 7,00 đến dưới 8,00: 30 học viên, bằng 71,43%.

**GHI ĐIỂM**



Triệu Văn Lượng

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO  
VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC  
TRƯỞNG PHÒNG**



Đoàn Thị Vân Thúy

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hoàng Việt Hưng